

**THỜI KHÓA BIỂU KHỐI TRUNG CẤP HỌC TRỰC TUYẾN**  
**Học kỳ 2, năm học: 2019-2020. Tuần 35** áp dụng từ ngày **06/ 04/ 2020**

*Giờ học: Buổi sáng từ 7h00' đến 11h00'; buổi chiều từ 13h00' đến 17h00'; buổi tối từ 17h30' đến 21h30'*

| Thứ | Lớp/<br>Buổi | K10 KT3<br>(P203) | K10 CI5        | K10 TA2   | K10 ĐĐ1    | K10 KT2    | K10 CI1   | K10 CI2          | K10 CI3          | K10 VT1    | K10 KS1         | K10 KT5         | K10 CI6    | K10 CI7    | K13 QLD<br>N    | K13 KS<br>H     | K13 KT<br>ĐN  | K13 VTH<br>C  | K13 KS<br>H(BĐ) |
|-----|--------------|-------------------|----------------|-----------|------------|------------|-----------|------------------|------------------|------------|-----------------|-----------------|------------|------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|-----------------|
| Hai | Sáng         |                   |                |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        |                   |                |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Tối          |                   |                |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
| Ba  | Sáng         | PTHĐKT<br>(K4)    | CTDLGT<br>(T2) | Đọc(C9)   |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        |                   |                |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Tối          |                   |                | Đọc(C9)   | QLNN(HB)   |            |           | MạngMT           | THCN(H2)         | TACN(C11)  | LTTCIT          |                 |            | TKĐPT(T13) | NLTK            |                 | TKĐN          | NVTK          | NMPNH           |
| Tư  | Sáng         | PTHĐKT<br>(K4)    | CTDLGT<br>(T2) |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        | PTHĐKT<br>(K4)    |                | 3.Đọc(C9) |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Tối          |                   |                | 2.Đọc(C9) |            |            |           | MạngMT<br>(T1)   | THCN(H2)         | TACN(C11)  | Marking<br>(K7) | 3.TKweb<br>(14) | TKĐPT(T13) | TTTC(K5)   |                 |                 | TKĐN<br>(K12) | NVTK<br>(C12) | NMPNH<br>(C13)  |
| Năm | Sáng         | PTHĐKT<br>(K4)    | CTDLGT<br>(T2) | Đọc(C9)   |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        |                   |                |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Tối          |                   | CTDLGT<br>(T2) | Đọc(C9)   | 2.QLNN(HB) |            |           | MạngMT<br>(T1)   | THCN(H2)         | TACN(C11)  | Marking<br>(K7) | TKweb(14)       | TKĐPT(T13) | TTTC(K5)   | 3.KSDN<br>(K10) |                 | TKĐN<br>(K12) | NVTK<br>(C12) | NMPNH<br>(C13)  |
| Sáu | Sáng         | PTHĐKT<br>(K4)    | CTDLGT<br>(T2) |           |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        |                   |                | Đọc(C9)   |            |            |           |                  |                  |            |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Tối          |                   |                |           | ĐGBDS(H1)  | PTHĐKT(K4) | TTSĐH(T2) | MạngMT<br>(T9)   | MạngMT<br>(T1)   | LuậtHC(H9) | TACN(C11)       | Marking<br>(K7) | TKweb(14)  | TKĐPT(T13) | NLTK<br>(K11)   | 2.KSDN<br>(K10) | TKĐN<br>(K12) | NVTK<br>(C12) | NMPNH<br>(C13)  |
| Bảy | Sáng         |                   |                | Đọc(C9)   | ĐGBDS(H1)  | PTHĐKT(K4) | TTSĐH(T2) | MạngMT<br>(T9)   | 3.MạngMT<br>(T1) | LuậtHC(H9) |                 | Marking<br>(K7) | TKweb(14)  |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        |                   |                |           |            | PTHĐKT(K4) | TTSĐH(T2) | MạngMT<br>(T9)   |                  | LuậtHC(H9) |                 |                 |            |            |                 |                 |               |               |                 |
|     | Tối          |                   |                |           | ĐGBDS(H1)  |            |           | MạngMT<br>(T9)   | 2.MạngMT<br>(T1) |            | TACN(C11)       |                 |            | TKĐPT(T13) | TTTC(K5)        |                 | TKĐN<br>(K12) | NVTK<br>(C12) | NMPNH<br>(C13)  |
| CN  | Sáng         |                   |                |           | QLNN(HB)   | PTHĐKT(K4) |           | MạngMT<br>(T9)   |                  | LuậtHC(H9) |                 | Marking<br>(K7) |            |            | TTTC(K5)        |                 |               |               |                 |
|     | Chiều        |                   |                |           | ĐGBDS(H1)  | PTHĐKT(K4) |           | 5.MạngMT<br>(T9) | MạngMT<br>(T1)   | LuậtHC(H9) | TACN(C11)       |                 |            | TKĐPT(T13) |                 |                 | TKĐN<br>(K12) | NVTK<br>(C12) | NMPNH<br>(C13)  |

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (để BC);
- P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo TC (để chỉ đạo);
- Các Phòng, khoa chuyên môn
- Ban Quản lý DHTT;

(để thực hiện)

C1: T. Hùng  
C2: C.HGiang  
C3: C. Phụng  
C4: C.T.Trang  
C5: C. Phụng  
C6: C. Hạnh  
C7: T. Khai  
C8:  
C9: C.L. Phụng  
C10: C.T. Nguyễn  
C11: C. Lưu  
C12: C. Nguyệt  
C13: C. Thảo  
C14: C. Yến

K1: C. Diệp  
K2: C. Hoa  
K3: C.T. Hằng  
K4: C. Linh  
K5: C. Dung  
K6: C. Vân  
K7: C. Lai  
K8: C. Ngọc  
K9: L. Hương  
K10: L. Na  
K11: C. Hằng  
K12: C. T. Hiền

T1: T. Nam  
T2: H. Giang  
T3: T. Phong  
T4: T. Dương  
T5: T. Hiếu  
T6: T. Quế  
T7: T. V. Trung  
T8: T. Quân  
T9: T. X. Trung  
T10: T. Lâm  
T11: T. Vỹ  
T12: T. Duy  
T13: C. Hiền  
T14: T. Thành

H1: C. Thiện  
H2: C. Đào  
H3: C. Hoàng  
H4: T. Thắng  
H5: C. Thành  
H6: C. Phúc  
H7: C. Loan  
H8: T. Y. Ngan  
H9: C. Văn

**Người lập**

**Phạm Thị Oanh**

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**P. HIỆU TRƯỞNG**

**Th.S Nguyễn Đình Thịnh**